

GIẢI THÍCH VỀ TƯỢNG PHẬT

chương sáu

PHẬT BỘ

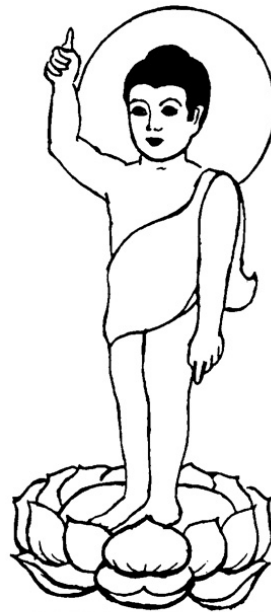
I. ĐỨC PHẬT THÍCH-CA NHƯ-LAI

Trên thế-gian, khi nói đến tượng Phật và Bồ-tát người ta phần nhiều căn cứ trên lý-tưởng của nghĩa kinh, rồi nắm lấy tính chất thần-hoá mà làm ra. Chỉ có đức Thích-Ca Như-Lai mới là một vị Thánh chân-chính. Ngài đã vì chúng sinh trong đời ác trước mà nói pháp để cứu vớt họ. Ngài đã sanh ra tại nước Thiên-trúc (Ấn-độ) cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm.

Thích-Ca vốn là tên gọi la phật-đổ tháp của Ấn-độ. trong giòng-tộc ấy nên lấy tên Sakyamuni *Thích-Ca Mâu-ni*. ‘yên lặng’, là bậc trí-giả, hoặc ra *Thích-Ca Mâu-ni* hàm-ý tôn-tộc Thích-Ca.’

Hai chữ *Thích-Ca* được thị tâm Phật từ-bi¹ rộng lớn. ‘yên lặng, biểu-thị cho trí-huệ

Đức Phật Thích-Ca Mâu-vương thành Ca-tỳ-la-vệ đố-là Vua Tịnh-Phạn và thân mẫu sanh ra vào ngày tám tháng Tư ưu. Truyền-thuyết nói rằng khi thớm xuống và thái-tử tay phải “Thiên thượng, thiên hạ, duy



Đức Thích-Ca Đản-Sanh
像生誕迦釋

của một giòng-tộc ở nước Ca-tỳ-Đức Phật Thích-Ca đã sanh ra của giòng-tộc ấy mà gọi Ngài là *Mâu ni* của chữ Phạn nghĩa là tư-tưởng của tiên-nhân, thành một ‘bậc Thánh xuất-sanh trong

giảng giải là ‘năng nhân’, biểu-Hai chữ *mâu-ni* được giải nghĩa là của Ngài đầy-đủ, sâu-sắc.

ni nguyên là thái-tử của chủ-tháp ở Trung-ấn. Phụ thân Ngài là Hoàng-hậu Ma-Gia. Ngài tại vườn Lâm-tỳ-ni, dưới cây vô-ngài đản sanh thì trời rải nước chỉ trời, tay trái chỉ đất nói rằng Ngã độc tôn.”²

Lúc thiếu thời, Ngài có tên là Tất-Đạt-Đa, thiên-tư sáng suốt, tinh-thông cả trăm ngành

¹ Từ ‘lòng thương mến những người thân-cận với mình; bi lòng thương xót đối với kẻ đối nghịch mình, những mọi loài chúng sinh khác giống, khác chủng, khác loài với mình. Chú thích của Trần Ngọc Dung.

² Trên trời, dưới đất chỉ có cái Ta là ghê gớm nhất nên phải tu sửa.” hai câu trong bốn câu trong Kinh Hoa-Nhiêm:

Thiên Thượng Thiên hạ;

Duy Ngã độc tôn.

Nhất thiết thế gian:

“Sinh, Lão, Bệnh, Tử.”

học-thuật, kỹ-nghệ, tài-năng thật phi-phàm, nên ngay lúc ấy Ngài đã vang danh trong thiên-hạ.

Khi thành niên, Ngài kết-hôn với công chúa Thiện-Giác vương ở thành Câu-lợi là Gia-Du Đà-la, và sanh được một con trai được đặt tên là La-Hầu-La.

Đến năm 29 tuổi, nhân một ngày xuân trong sáng, Ngài cùng các thị-thần ra ngoài thành du-ngoạn.

Ngài thấy rõ các cảnh sanh, lão, bệnh, tử; là các khổ-não của đời người. Sau khi trở về, Ngài suy-tư về các sự kiện ấy đến nỗi bỏ ngủ, quên ăn; Ngài bèn quyết-tâm xuất-gia; một mình vào rừng sâu chỗ tịnh, nhất ý tu hành.

Ngài đi về phương nam các nước Tỳ-xá-ly, Ma-ha-đà, phỏng-vấn các vị tiên Liên-hoa nổi tiếng lúc bấy giờ như Bạt-già-kiên, A-lam, Già-lam tiên, v.v... Ngài đem các điều nghi hoặc về sự khổ não của sanh, lão, bệnh, tử để thỉnh-giáo các vị ấy, nhưng sau sáu năm dài, Ngài chẳng học hỏi được điều gì quan trọng.



Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni
後來如迦釋就成覺正

Cực nhọc thân, tâm mà không được gì, Ngài bèn nghĩ rằng “cách tu khổ-hạnh này chưa hẳn là đạo để thành Phật. Muốn thành Phật, trước tiên phải kiện toàn thân-tâm, sửa đổi phương kế.” Ngài liền đến sông Ni-liên-thiên, tắm rửa thân-thể sạch-sẽ. Lại được người mục-nữ cúng dường bát sữa nên thể-lực Ngài được hồi phục. Sau đó, Ngài đến nơi thắng địa, Phật-đà già-da ngồi kiết già dưới cây bồ-đề trên tòa kim-cang. Ngài xua đuổi tất cả các điều cám-đổ của thế-gian. Đến một hôm, lúc trời vừa mờ mờ sáng, một ngôi sao xán-lạn vừa xuất hiện ở phương đông, Ngài bỗng nhiên sáng-suốt vì được đại ngộ. Lúc bấy giờ Thái-tử đang vừa độ tuổi 35 cứng cõi, tốt đẹp.

Sau khi thành đạo, Đức Thích-tôn trước tiên đến vườn Lộc-uyển nước Ba-la-nại-kỳ, độ cho năm vị tỳ-khưu Kiều-trần-như. Sau đó Ngài muốn tới thành Vương-xá. Dọc đường Ngài gặp ba vị Ca-diếp của ngoại đạo thờ thần Lửa, Ngài bèn độ cho ba vị ấy. Từ đó danh-tiếng Ngài vang dội khắp cõi Ấn-độ. Sau, đến thành Vương-xá, Ngài lại độ cho vua Tần-bà-sa-la của nước Ma-yết-đà và Xá-lợi-Phất, Mục-kiền-liên, v.v... Ba năm sau, Ngài trở về cố-hương, độ cho Phụ-vương, Hoàng-mẫu, em Ngài là A-Nan, anh bên ngoại Ngài là Nan-Đà, và con Ngài là La-Hầu-La, v.v...

Đến đây, giáo đoàn của đức Thích-tôn đã thành-hình một cách vững chắc.

Về sau, Ngài thường ở hai bên bờ sông Hằng thuộc địa-phận các nước Ma-yết-dà, Kiền-tát-la và Tỳ-xá-ly. Ngài đi lại, nói pháp trong các nước đó, không gián-đoạn, mãi đến năm Ngài 80 tuổi, ngài nằm bệnh tại phương Bắc, ở ngoài thành Câu-hộ-na-yết-la, dưới hai cây sa-la trên bờ sông Bạt-đề, đầu quay về hướng Bắc, mặt xây về phương Tây.

Lúc ấy, chư đệ-tử đều tụ họp trước mặt Ngài, cung kính lắng nghe lời răn dạy cuối cùng. Đến đêm Ngộ, Ngài yên-lặng nhập Niết-bàn.

Đời sau, các hình-tượng Niết-bàn mà người ta thấy trong các chùa thờ Phật đều là để kỷ-niệm cái thời điểm của đêm Ngộ Ngài nhập Niết-bàn đó.

Sự truyền-bá đạo pháp của đức Thích-tôn trong 45 năm đã làm cho các vua Tần-bà-sa-la, A-xà-thế, Ba-tư-nặc, v.v... lấy làm thâm-đắc và nhiệt-thành giúp đỡ. Về sau, họ đều thành những vị đại hộ-pháp. Trong thời đức Phật còn tại thế, trong số các tịnh-xá được xây dựng, nổi tiếng nhất là Tịnh-xá Trúc Lâm ở nước Na-yết-đà, Tịnh-xá Kỳ-viên ở nước Xá-vệ và giảng đường Đại-lâm tràng-các của nước Tỳ-xá-ly.

Đức Thế-tôn đã phá chế độ phân biệt bốn giai cấp của Ân-độ vốn có từ xưa, và nhấn mạnh đến hai chữ bình-đẳng, lấy giáo-đoàn làm căn-bản: “đệ-tử Ngài được chia là bốn chúng hoặc bảy chúng. Ngài định ra giới-luật một mảy chẳng loạn, lấy đó làm mực thước để giáo-hoá tứ dân—sĩ, nông, công, thương. Trong suốt 45 năm trước sau như một, Ngài đã đi đông đi tây, ngày đêm không trễ nãi, nói pháp khắp nơi mà chẳng hề biết mệt-mỏi.

Sau ngày đức Phật viên-tịch, đệ-tử của Ngài ở thành Vương-xá nắm vững giáo-pháp của Ngài đã truyền dạy lúc Ngài còn tại thế nên đã kết tập lại thành kinh. Đó là nguồn gốc lớn của văn-hoá phương Đông.

Hình tượng của đức Thế-tôn tại hai bộ Mạn-trà-la của Mật-tông thì Thai-tạng giới đặt Ngài làm chủ, còn trong Kim-cang giới thì Bất-không Thành-Tựu Như-Lai cùng đứng với Ngài. Đại Nhật Kinh-Sớ nói rằng: đức Thích-Ca Mâu-Ni toàn thân màu vàng ròng, đủ 32 tướng tốt rực rỡ, khoác áo cà-sa màu càn-đà, ngồi trên hoa sen trắng, tư-thế như đang thuyết pháp, tay trái cầm một ché áo cà-sa như tượng của vua A-dục ngày nay: tay phải để thẳng các ngón trong khi ngón cái và ngón áp-út co lại bấm vào nhau.

Nghi-Quý tu hành của Kim-Cang Nhất-thừa nói rằng: “Nếu muốn báo ân-đức của thế-gian có thể vẽ hình-tượng đức Thích-Ca Mâu-Ni nơi trung ương Mạn-trà-la, toàn thân khoác áo cà-sa, tướng-trạng đang nói pháp, tay phải bắt ấn kiết-tướng, tay trái đặt ngửa trước rốn, tư-thế kiết-già trên đài hoa sen trắng.

Thân tướng của đức Thích Ca có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp.

Về 32 tướng tốt (trong số 48 tướng) không phải chỉ một mình đức Phật có mà Chuyển-luân Thánh-vương cũng có. Lại có đến 48 tướng, nhưng riêng đức Phật có 80 vẻ đẹp mà Chuyển-luân Thánh-vương không có.

Có tướng tốt mà không đẹp thì không thể gọi là “tướng tốt viên mãn”.

II. ĐỨC ĐẠI-NHẬT NHƯ-LAI

Đại-Nhật Như-Lai là bốn-tôn thuộc hệ Mật-tông cung phụng. Ngài giữ địa vị chủ-tôn trong hai bộ Mạn-trà-la Kim-cang tạng và Thai-tạng.



Đức Phật Đại-Nhật (Kim-Cang giới)
像來如日大界剛金

Đại-Nhật là mặt trời chiếu khắp tất cả vạn vật trong vũ-trụ. Phàm tất cả sinh-vật tại thế-gian, chẳng phải chỉ loài người mà cho đến thảo-mộc, côn-trùng đều nhận chịu ân-huệ của đức Đại-Nhật. Vật gì chẳng hưởng-thọ ánh quang-minh của mặt trời mà có thể an-trụ nơi Đại-pháp giới chẳng? Đó là lý-do khiến ta nói đức Đại-Nhật là từ-mẫu nuôi dưỡng tất cả muôn vật ở



Đức Phật Đại-Nhật Như-Lai
(Thai-Tạng giới)
像來如日大界藏廚

thế-gian, cũng tức là chủ-mẫu của hai bộ Mạn-trà-la.

Đại-Nhật Như-Lai, chữ Phạn gọi là Ma-ha Tỳ-lô giá-na. Có nơi dịch là ‘ánh sáng lớn chiếu khắp’, là ‘mặt trời lớn chiếu sáng tất cả mọi nơi’. Tuy lời dịch chẳng đồng nhất, nhưng ý-nghĩa vẫn là một, vì *ma-ha* là ‘Đại’, *tỳ-lô giá-na* là ‘quang-minh biến-chiếu’. Đó là ý hiển-dương pháp-thể chiếu soi cùng khắp vũ-trụ vạn-vật mà không bị một mảy-may trở ngại nào.

Đại-Nhật Như-Lai đối nội thì chiếu khắp pháp-giới chân-như, đối ngoại thì chiếu khắp tất cả chúng-sanh mà không bị chướng-ngại, có đủ các đức viên-mãn, thường trụ chẳng đổi, thân độ dung-thông, tập hợp tâm-tánh của tất cả chúng-sanh và chư Phật Như-Lai, lại hay bảo tồn ‘bổn lai pháp như vậy’ trong tâm chúng sanh, cùng khắp các xứ, nhân đó nên gọi là ‘quang-minh biến-chiếu’.

Kinh Đại-Nhật Sớ nói rằng: âm Phạn ‘Tỳ-lô giá-na’ là biệt-danh của mặt trời. Mặt trời có công-năng khiến cho chỗ đen tối biến thành sáng-sủa. Nhưng, ánh mặt trời chỉ chiếu sáng mặt ngoài của các vật, còn ánh quang-minh của mặt trời trí-tuệ Đại-Nhật Như-Lai chẳng luận lúc nào, đều có thể chiếu soi mặt ngoài và mặt trong của khắp mọi sự vật, không phân-biệt là đêm hay ngày.

Ánh quang-minh của đức Đại-Nhật lúc chiếu đến Diêm-phù-đề thì tất cả cỏ cây rừng rú đều dựa vào tính-chất phân-biệt riêng của chúng mà sanh-trưởng; tất cả mọi sự việc của thế-gian cũng nhờ đó mà được thành-tự. Ánh quang-minh của Như-Lai chiếu khắp pháp-giới một cách bình-đẳng, làm phát-sinh vô số các loại thiện-tâm của chúng-sanh.

Dựa vào nhân-duyên đó, tất cả các pháp thế-gian và xuất thế-gian cũng được thành-tự, cho nên mặt trời phổ-thông của thế-gian chẳng có thể so sánh với mặt trời của trí-tuệ, vì vậy mà trước chữ ‘Nhật’ phải thêm chữ ‘Đại’ để gọi, thành ra là Đại-Nhật Như-Lai, hợp với chữ Phạn ‘Ma-ha Tỳ-lô-giá-na’ vậy.

Đại-Nhật Như-Lai làm giáo-chủ của kinh Kim-cang đảnh của kinh Đại-Nhật là giáo-điển

căn-bản của Mật-tông. Ngài là chủ-tôn của hai bộ Mạn-trà-la Kim-cang tạng và Thai-tạng, cho nên phương-pháp biểu-thị hình-tượng của Ngài chẳng phải thấy giống nhau như thường lệ.

Lúc Ngài nói pháp tại cung trời Đại Tự-tại thì trong kinh Đại-Nhật Sơ nói: Cung này là cung Bồ-đề xứ của Phật xưa thành-tựu, tức đó là cung trời Ma-hê-thủ la; thân Phật màu vàng tía của vàng Diêm-phù-đàn như tượng Bồ-tát, đầu đội phát-kê³ vừa như hình mũ, thần-thông phóng ra các loại ánh sáng màu, mình khoác mạng lụa: “đó là hình-thức tiêu-biểu sự thành tựu của bậc tối chánh-giác tại cõi trời Thủ-đà-hội, ở cõi ấy chư thánh thiên mặc y-phục bằng lụa mỏng, nhẹ nhàng, theo bản chất nghiêm-tịnh, chẳng trang sức bên ngoài bằng những vật giả tạo.”

Nhưng hình-tượng phổ-thông của thế-gian chẳng phải hoàn toàn dựa theo những mẫu mực như nhau, mà có nhiều loại khác nhau. Hình-tượng của chủ-tôn trong hai bộ Mạn-trà-la có thể là của những hình-tượng đại biểu cho sự sai khác đó. Như trong Mạn-trà-la thuộc Kim-cang giới thì hình-tượng biểu-thị cái Trí của đức Đại-Nhật, gọi là “pháp thân Đại-Nhật trí” (H. 3); tướng-ấn của Ngài là “Trí-quyền ấn”. Trong Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới thì hình-tượng bày tỏ cái lý của đức Đại-Nhật gọi là “pháp thân Đại-Nhật lý” (H. 4); tướng-ấn của Ngài là “Pháp-giới định ấn”.

Đức Đại-Nhật Như-Lai kiếp pháp-giới định-ấn tại Thai-tạng giới thì có nhiều thuyết chẳng đồng-nhất: “một trong các thuyết đó nói rằng: Đức Đại-Nhật Như-Lai trên đài hoa sen tám cánh thì thông thân màu vàng, như hình Bồ-tát, ngồi kiết-già trên hoa sen báu, đầu đội mũ báu 5 đức Phật, mặc lụa hoa trắng; sau đầu có hào-quang tròn 5 màu lẫn lộn; hào-quang trên đầu hình như mây; thân có nhiều lớp ánh-sáng bao bọc; tóc màu thiên-thanh; tai đeo ngọc châu; cổ đeo nhiều vòng anh-lạc, ngọc báu, thông đến trên gối; hai cánh tay cũng mang chuỗi ngọc; hai cổ tay đeo vòng vàng; hai bàn tay để ngửa dưới rốn, các ngón chồng lên nhau; bàn tay phải đặt trên bàn tay trái; hai ngón cái chụm đầu nhau, kết thành tướng-ấn nhập-định. Áo bằng sa trắng nhẹ; quần bằng ấm 5 màu; các đường viền, đai áo đều bằng gấm xanh, lụa vẽ 5 sắc.”

Như thế mới biết thân đức Phật này nghiêm-trang biết dường nào.

Tượng đức Đại-Nhật còn tồn-tại đến nay, bất luận là vẽ hai điều khác, đều là tượng ở tư-thế ngồi; không có bức tượng nào ở tư-thế đứng.

Vật liệu điêu-khắc gần như hạn-định trong việc dùng gỗ: đây là dựa vào tính-chất của đức Phật mà qui-định như vậy.

³ búi tóc hình nhục kế

III. ĐỨC PHẬT TỖ LÔ GIÁ NA



Đức Phật Tỳ-Lô-Giá-Na
像佛那遮羅

Đức Phật Lô-Giá-Na chính danh là Tỳ-lô-giá-na; dịch là *quang-minh biến-chiếu* ‘ánh sáng soi khắp’. Nhân vì thân sáng và trí sáng của đức Phật Lô-Giá-Na không một mảy may đất nào làm chướng-ngại được, cho nên ánh-sáng ấy soi khắp pháp-giới là ý nói: tròn sáng không khuyết. Trong kinh Phạm-Võng có nói: “Nay ta, Tỳ-Lô-Xá-Na, mới ngồi trên đài hoa sen, vòng khắp trên ngàn hoa, lại hiện ngàn Thích-ca; một hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-Ca ngồi cây Bồ-đề, một thời thành Phật-đạo: như vậy ngàn trăm ức, bốn thân Lô-Xá-Na; ngàn trăm ức Thích-ca, đều tiếp vi-trần chúng; đều đến chỗ Ta ở, nghe Ta tụng giới Phật, cửa cam-lồ ắt mở.”

Phật Lô-Giá-na lại làm giáo-chủ của kinh Phạm-Võng và kinh Hoa-Nghiêm.

Tại Trường-an nước Tàu, có hai vị cao-tăng. Một vị là đại-đức Đạo-An ở chùa Ngũ-trùng; một vị là đại-đức Kinh-Khê ở Thiên-đài. Hai vị đã từng nói: “Phật Tỳ-Lô-Giá-Na là pháp-thân; Phật-Lô-Giá-Na là Báo-thân, còn Phật Thích-Ca là Ứng-thân.”

Nếu quả như vậy ắt Phật Lô-Giá-Na cùng với Phật Thích-Ca là đồng-thể, tức là giác-thể bất-nhị vậy. Nghĩa là: lìa bỏ đức Thích-Ca ắt không có đức Lô-Giá-Na; lìa bỏ đức Lô-Giá-Na thì không có đức Thích-Ca.

Thế thì công-đức chung của hai vị Phật này phân biệt thế nào? Bởi vì đức Thích-Ca là giáo-chủ của một châu, hạn-định tại Diêm-phù-đề; phạm-vi giáo-pháp của Ngài hơi nhỏ hẹp. Còn Phật Lô-Giá-Na là giáo-chủ của 3 ngàn Đại-thiên thế-giới, tóm lãnh toàn thể vũ-trụ, rộng lớn vô cùng.

Phật Lô-Giá-Na tổng lãnh 3 ngàn Đại-thiên thế-giới, cảnh vực của Ngài lớn nhỏ như thế nào, thì trong kinh Trường A-Hàm có nói như vậy: “Do mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, bốn châu thiên-hạ, 4 vị Thiên-vương, 33 tầng trời, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Lạc-biến-hoá thiên, Tha-hoá tự-tại thiên, Phạm-thế thiên, v.v... mười giới tập hợp lại thành một thế-giới. Nghìn lần một thế-giới gọi là một tiểu thiên thế-giới. Nghìn lần tiểu thiên thế-giới như thế gọi là một trung thiên thế-giới. Nghìn lần trung thiên thế-giới như thế gọi là một đại thiên thế-giới. Gấp ba nghìn lần một đại thiên thế-giới như thế thì gọi là tam thiên đại-thiên thế-giới.” Độ rộng lớn của ba nghìn đại thiên thế-giới như thế thật là vô cùng, vô tận. Chúng ta chẳng thể nào tưởng tượng nổi.

Theo kinh Phạm-Võng nói, đức Phật Lô-Giá-Na “ngồi kiết-già trên đài hoa sen ngàn cánh, tay trái đặt trên gối, tay phải giở lên nhẹ nhàng (H. 5). Ngài nói pháp tại cung trời Đại tự-tại, là thượng đỉnh của Sắc-giới. Chu vi đài hoa của tượng Phật toả ra có ngàn cánh, mỗi cánh biểu-hiện quang-cảnh của 100 ức quốc-độ để thành đại-quán của ba ngàn đại thiên thế-giới.

IV. ĐỨC A-DI-ĐÀ NHƯ-LAI

Trong số các danh hiệu của chư Phật thì mọi người biết đạo đều lấy danh-hiệu A-Di-Đà Phật làm đầu. Thông



Đức A-Di-Đà Như-Lai
像來如陀彌阿惟思劫五

thường người ta niệm là: Nam mô A-Di-Đà Phật!

Người ta thường gọi đức A-Di-Đà là A-di-đà-do-tu ‘Amitayus’, và A-di-đà-bà ‘Amitabha’. Danh-hiệu đầu dịch là Vô-lượng thọ, danh-hiệu sau là Vô-lượng quang.

Đức Phật A-Di-Đà ở tại một phương trong Mạn-trà-la thuộc Kim-cang giới, tức là Phật-đà của phương Tây. Chư Phạn gọi là ‘lô-kế thấp-phạ lá-ra-nhã’, dịch là ‘quán-tự-tại.’ Phật A-Di-Đà, dựa vào tánh-đức quang-minh của ngài mà chia làm 12 loại là vô-lượng quang, vô-biên quang, vô-ngại quang, vô-đối quang, diêm-vương quang, thanh-tịnh quang, hoan-hỷ quang, trí-huệ quang, bất-đoạn quang, nan-tứ quang, vô-xưng quang, siêu nhật nguyệt quang,

Dựa vào tánh-đức của 12 loại ánh-sáng đó, tức có 12 loại hình-tượng khác nhau, có công-dụng như nhau:

- | | | | | | |
|------------------------------------|--------|-------|-------------|--------------|---------------|
| - vô-lượng quang: thời gian | } biệt | } thể | } ngang | } tổ đức | } pháp |
| - vô-biên quang: không gian | | | | | |
| - vô-ngại quang:tổng | } dụng | } dọc | } ngăn tình | } (phủ định) | |
| - vô-đối quang:tương đối | | | | | } (thời gian) |
| - diêm-vương quang:tuyệt đối | | | | | |
| - thanh-tịnh quang:trị tham | | | | | |
| - hoan-hỷ quang:trị sân | | | | | |
| - trí-huệ quang:trị si | | | | | |
| - bất-đoạn quang: | | | | | |
| - nan-tứ quang: | | | | | |
| - vô-xưng quang: | | | | | |
| - siêu-nhật nguyệt quang: | | | | | |

Kinh Đại-Nhật Vô-lượng thọ của Chính-Giác Tịnh-độ nói rằng: Phật A-Di-Đà là Phật-vương Thế-tự-tại. Lúc Ngài là một quốc-vương, sau khi xuất-gia, pháp-danh là Pháp-Tạng Tỳ-kheo. Ngài thấy qua 210 ức Phật-độ. Tại mỗi Phật-độ, xét hết các kiến-thức trong đó rồi chọn lấy cái tinh-hoa, và trải qua năm kiếp tư-duy, sau đó mới phát khởi 48 lời đại thệ-nguyện, lập ra quốc-độ Cực-lạc để cứu-độ chúng-sinh.

Ngài vì cảm thấy điều thiết-yếu là phải thực-hiện lời thệ-nguyện ấy, nên tu hành lâu dài, trải qua không biết bao nhiêu thời-gian, mới cầm chắc việc thực-hiện được điều đó, và thành Phật. Đến nay đã trải qua 10 kiếp. Ngài đã kiến-lập xong một Tịnh-độ Cực-lạc rất tráng-lệ, hiện tại Ngài nói pháp tại đó. Ngài dùng vô-lượng ánh sáng chơn-thực và vô-lượng thọ-mạng làm giác-thể để siêu-độ chúng-sinh.

Đức Phật A-Di-Đà trong Mật-giáo là một trong năm trí của đức Đại-Nhật Như-Lai. Ngài

trụ tam-muội Diệu-quan-sát-trí ở phương Tây: ở Trung-đài, viên tám cánh hoa của Thai-Tạng giới, tôn vị Ngài ở phương Tây nơi bánh xe năm giải-thoát thuộc Kim-cang giới. Quyển-thuộc Ngài có bốn Bồ-tát. Đó là Pháp, Lợi, Nhân, Ngũ để biểu-hiện Trí-phương tiện của đức Đại Nhật Như-Lai. Tánh-trí của Ngài thì chẳng sanh, chẳng diệt; bên trong soi chiếu thực-tướng các pháp; bên ngoài soi chiếu căn-cơ chúng sinh. Đức-hạnh Ngài thì vô-lượng vô-biên, ban bố lợi-ích cho tất cả chúng-sinh.

Kinh Đại-Nhật Sớ nói: Phật quán vô-lượng-thọ tại phương Tây, ứng với Trí-phương tiện của Như-Lai. Nhân vì chúng-sinh giới không ngừng dứt cho nên phương-tiện Đại-bi của chư Phật cũng không ngừng dứt. Vì thế mà gọi là Đại Vô-lượng-thọ.

Về tướng tốt của đức Phật A-Di-Đà thì kinh Quán Vô-lượng-thọ nói rằng: Thân Phật Vô-lượng thọ màu vàng diêm-phù-đàn như trăm ngàn vạn ức dạ-ma-thiên; thân Phật cao 60 vạn ức na-do-tha hàng hà sa do-tuần; tướng bạch hào giữa đôi lông mày xoay tròn về bên phải như năm núi Tu-di; mắt Phật như nước bốn biển lớn, xanh trắng rõ ràng; các lỗ chân lông toàn thân đều hiện sáng lóng lánh như sao, như núi Tu-di, tròn sáng như trăm ức ba ngàn đại thiên thế-giới, trong ánh sáng tròn đó, có trăm vạn ức na-do-tha hàng hà sa hoá-phật; mỗi hoá-phật đều có vô số hoá bồ-tát làm thị-giả.

Phật Vô-lượng thọ có tám vạn bốn ngàn tướng tốt, mỗi một tướng tốt có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi một vẻ đẹp có tám vạn bốn ngàn ánh-sáng quang-minh, mỗi một ánh-sáng quang-minh chiếu khắp mười phương thế-giới. Hễ chúng-sinh niệm Phật thì đều được nhiếp giữ, chẳng bỏ. Ánh-sáng, tướng tốt và hoá-phật của Ngài thật quá nhiều, chẳng thể đếm được.

Do đó có thể biết sức mạnh lớn của đức Phật A-Di-Đà thì không gì sánh bằng.

Kinh Quán Vô-lượng-thọ lại nói: Quả-tướng của thế-giới Cực-lạc chia làm ba bậc: thượng, trung, hạ. Mỗi bậc lại chia làm ba phẩm: thượng, trung, hạ. Thành ra chín phẩm, tức là: thượng phẩm thượng-sanh, thượng phẩm trung-sanh, thượng phẩm hạ-sanh; trung phẩm thượng-sanh, trung phẩm trung-sanh, trung phẩm hạ-sanh; hạ phẩm thượng-sanh, hạ phẩm trung-sanh, hạ phẩm hạ-sanh.

- Thượng phẩm thượng-sanh là những bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện của đại-thừa, đến lúc lâm chung được Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi đài sen kim-cang, trong khoảng nháy mắt được vãng sanh về thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, được đến quả vị vô-sanh pháp-nhẫn.
- Thượng phẩm trung-sanh là những bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện gần đến đại-thừa, đến lúc lâm-chung cũng được Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi trên đài sen vàng tía, vãng sanh thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, trải qua bảy ngày được bất thối chuyển; lại trải qua một tiểu-kiếp mới được quả vị vô sanh pháp-nhẫn.
- Thượng phẩm hạ-sanh là bậc thiện-nhơn làm việc thượng-thiện, hai bậc nữa mới đến đại-thừa, đến lúc lâm-chung, cũng được đức Phật A-Di-Đà đón rước, được ngồi trên hoa sen vàng, vãng sanh thế-giới cực-lạc, thấy Phật, nghe Pháp, nhưng phải trải qua ba tiểu-kiếp mới được quả-vị hoan-hỷ địa.
- Trung phẩm thượng-sanh là những thiện-nhơn làm việc thượng-thiện của tiểu-thừa, đến lúc lâm chung, nhận được sự tiếp đón của Phật A-Di-Đà, được vãng-sanh thế-giới

cực-lạc, nghe pháp tứ-diệu đế, được quả-vị A-la-hán.

- Trung phẩm trung-sanh là những thiện-nhơn làm việc hạ-thiện của tiểu-thừa, đến lúc lâm-chung, Phật A-Di-Đà đến nghinh tiếp, được vãng-sanh thế-giới cực-lạc, trải qua nửa tiểu-kiếp, sau mới thành A-la-hán.
- Trung phẩm hạ-sanh là người làm việc lành thế-tục, đến lúc lâm-chung, được nghe công-đức của Phật mà được vãng-sanh thế-giới cực-lạc, trải qua một tiểu-kiếp, sau mới được quả-vị A-la-hán.
- Hạ phẩm thượng-sanh là người bị mười tội ác nhẹ, đến lúc lâm-chung nhờ niệm Phật, có thể loại trừ 50 ức kiếp tội phải sanh tử, được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, sau 49 ngày hoa sen nở ra, và được nghe Pháp.
- Hạ phẩm trung-sanh là người phá giới tội nhẹ, đến lúc lâm-chung, nghe công-đức Phật mà niệm Phật, có thể miễn trừ 10 ức kiếp tội phải sanh tử, được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, trải qua 6 tiểu-kiếp sau, hoa sen mới nở, rồi được nghe Pháp.
- Hạ phẩm hạ-sanh là người phạm tội nặng ngũ nghịch, đến lúc lâm-chung, niệm Phật được 10 niệm, trong mỗi niệm có thể miễn trừ 80 ức kiếp tội phải sanh-tử; được chuyển sanh trong ao sen báu của thế-giới cực-lạc, phải trải qua 12 tiểu-kiếp sau, hoa sen mới nở để được nghe Pháp.

Trên đây là tóm lược 9 phẩm vãng-sanh. Nói tóm lại, thượng phẩm vãng sanh là người tu hành được đại-thừa; trung phẩm là người tu hành được tiểu-thừa; hạ phẩm là kẻ làm lành ở thế-gian được thành-tự. Những điều ấy gọi là làm nên chín phẩm Phật. Tướng-ấn của các phẩm này không đồng nhau.

Tại nước Tàu, người ta rất tin theo Phật A-Di-Đà. Hình-tượng của Ngài có nhiều loại. Trong Quán Tự-tại vương tu hành pháp có nói: Kiết-ấn tam-ma-địa thì hai cánh tay hướng thượng, giao nhau.

Trong kinh Nhiếp-Chân thật thì nói: Hai tay đều duỗi cả năm ngón, để yên tại trước rốn, tay trái bên dưới, tay phải trên, kiết Pháp-giới định ấn.

Ngoài ra, tại Mạn-trà-la, ta thấy đức A-Di-Đà biểu-thị Diệu-quan-sát-trí, trụ tướng tịch-định: toàn thân màu vàng, kiết-định ấn Diệu-quan-sát-trí, thân khoác áo cà-sa sáng đỏ, ngồi kiết-già trên hoa sen báu.

Tượng Ngài còn có dạng màu hồng như Di-Đà pha-lê hồng, Di-Đà bửu-quan (đội mũ báu) hoặc Di-Đà có búi tóc hình xoắn tròn ốc, Di-Đà tư-duy năm kiếp (H. 6) và Di-Đà ba mặt sáu tay trong Du-Già đại-giáo vương kinh, v.v... rất nhiều tượng khác.

A-Di-Đà Như-Lai phổ-thông thì có hai Bồ-tát Quan-Âm và Đại-Thế-Chí đứng hai bên.

Riêng có một loại hình-tượng A-Di-Đà với 25 Bồ-tát nghênh đón: hành-giả niệm Phật, lúc lâm-chung sẽ được Phật A-Di-Đà với 25 vị Bồ-tát đến trước mặt nghênh đón. Danh sách 25 vị này là:

- | | |
|-------------------|-------------------|
| 1. Quán-Thế-Âm BT | 2. Đại-Thế-Chí BT |
| 3. Dược-Vương BT | 4. Dược-Thượng BT |

5. Phổ-Hiền BT
7. Sư Tử Hống BT
9. Hư Không Tạng BT
11. Bửu-Tạng BT
13. Kim-Cang BT
15. Sơn Hải Tuệ BT
17. Chúng Bửu vương BT
19. Nhật Chiếu vương BT
21. Định Tự vương BT
23. Bạch Tượng vương BT
25. Vô Biên thân BT

6. Pháp Tự-Tại BT
8. Đà-la-ni BT
10. Đức Trọng BT
12. Kim-Tạng BT
14. Quang Minh Vương BT
16. Hoa-Nghiêm Vương BT
18. Nguyệt Quang Vương BT
20. Tam Muội vương BT
22. Đại Tự-tại vương BT
23. Đại Uy Đức vương BT

V. ĐỨC DƯỢC SƯ NHƯ-LAI

Đức Dược Sư Như-Lai vì muốn cứu độ tất cả các bệnh khổ của chúng-sinh nên đặc-biệt phát-khởi 12 lời thệ-nguyện. Từ xưa đến nay, đã có rất nhiều người tín phụng (tín thờ) Ngài. Tên chữ Phạn của Ngài là Bhaisajyaguru vaidurya-Tathagata, phiên-âm là Bội-sát-tử-dã-lô-rô-phê-nữ-ra-giã-tát-tha-bách-đa, dịch-nghĩa là Đại Y-Vương Phật.



Đức Phật Dược-Sư Như-Lai
像來如師藥

Ngài kiến lập tại phương Đông của núi Tu-di một thế-giới Tịnh-độ, gọi là lưu-ly quang-độ, hay là thế-giới tịnh lưu-ly phương đông.

Mười hai lời thệ-nguyện của đức Dược-Sư là:

1. Nguyện cho tự thân sáng ngời rực-rỡ, thân người khác cũng vậy.
2. Nguyện cho uy-đức lồng lộng, soi sáng tất cả chúng-sinh tối tăm.
3. Nguyện cho chúng-sinh được thoả-mãn mọi điều mong muốn, không ai phải thiếu-thốn.
4. Nguyện cho tất cả chúng-sinh an trụ trong pháp Đại-thừa.
5. Nguyện cho tất cả chúng-sinh tu theo phạm-hạnh đủ tụ ba-giới.
6. Nguyện cho tất cả những ai chẳng đủ các căn, đều trở thành vẹn đủ.
7. Nguyện cho tất cả các bệnh của chúng-sinh đều được diệt-trừ, khiến cho thân-tâm an-lạc, tu chứng được Bồ-đề vô-thượng.
8. Nguyện cho nữ nhân được chuyển thân làm nam-tử.
9. Nguyện cho chư hữu-tình thoát khỏi sự ràng buộc của thiên ma, ngoại đạo, ác-kiến, tà-tư để được tiếp dẫn vào chánh-kiến.
10. Nguyện cho chúng-sinh thoát khỏi mọi khổ nạn do giặc, cướp, bạo chúa, ác vương gây ra.
11. Nguyện cho chúng-sinh đói, khát được ăn uống những thức ăn thức uống tuyệt-diệu.

12. Nguyên cho những kẻ nghèo túng không đủ chăn, áo, được những y-phục ấm áp.

Mười hai lời nguyện kể trên nhằm mục-đích chính là cứu vớt tất cả các bệnh khổ của chúng-sinh, cho tất cả đều được thoát vòng sanh-tử luân-hồi.

Đời nhà Tùy có một vị sư tên là Đạt-ma-cấp-đa dịch kinh Dục Sư Như-Lai bốn-nguyên công-đức, trong đó có một tiết nói rằng “Phật phán với Ngài Mạn-thù-sư-lợi rằng: “Đi về phương Đông, qua 10 cạnh già sa Phật-độ, có thế-giới tên là ‘Tịnh-lưu-ly’, Phật hiệu là Dục Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai. Nguyên khi hành đạo Bồ-tát, có phát 12 lời đại-nguyện, khiến cho chúng sinh hữu-tâm đều được sở-cầu.” Không rõ vì lý-do gì mà Đức Phật Dục Sư chưa gia-nhập Kim-cang giới và Thai-tạng giới—tức hai bộ Mạn-trà-la. Truyền-thuyết từ xưa đã rắc-rối. Giới hạn bốn tịch tại đó cũng có nhiều nơi nói chẳng đồng nhất.

Có chỗ nói rằng đức Dục-Sư cùng với Ngài A-Súc Như-Lai là đồng thể mà khác danh-hiệu; có chỗ nói rằng Đức Đại-Nhật Như-Lai trong Thai-tạng giới với Ngài cũng đồng thể mà danh hiệu lại khác nhau. Có chỗ lại nói Ngài chính là đức Thích-Ca Như-Lai, hoặc là Vô-Năng Thắng Như-Lai. Cứu-cánh thế nào, không làm sao biết được. Có thể là trong Mật-tông, pháp cúng dường đức Dục-Sư với pháp cúng dường đức A-Súc cùng chung một cách thức.

Hình-tượng đức Dục-Sư Như-Lai thì trong *Dục Sư Niệm tụng Nghi-Quy* có nói rằng: “Như Lai tay phải cầm dục-khí, tên là ‘ngọc châu vô giá’, tay phải kiết bửu-ấn, thân khoác áo cà-sa, ngồi kiết-già trên đài hoa sen.

Lại nữa, trong *A-sa-phạ-sao* có ghi như sau “tay phải kiết-ấn thí nguyện; tay phải đưa lên nhẹ nhàng tay trái bắt ấn vô-úy, tay trái cầm bửu-châu đặt ngang dưới rốn, ngón út tay trái co lại, có cầm dục-khổ (?), kiết định ấn, có ứng-thân nói pháp, và tay cầm y-bát, tích-trượng.” Có rất nhiều loại. Trên đây chỉ nói tóm lược, nhưng trong đó có bảy loại.

Hình-tượng đức Dục-Sư có nhiều loại, đều là dựa theo bốn-nguyện của Ngài mà tạo ra, nên chẳng giống nhau. Tựa trung có bảy vị cùng xưng là Dục-Sư. Đó là:

1. Thiện-Xưng Danh Kiết Tường vương Như-Lai,
2. Bửu-Nguyệt Trí-Nghiêm Âm Tự-tại vương Như-Lai,
3. Kim-Sắc Bửu-Quang Diệu Hạnh Thành-tự Như-Lai,
4. Vô-Uu Tối-Thắng Kiết tường Như-Lai,
5. Pháp-Hải Lô-i-Âm Như-Lai,
6. Pháp-Hải Huệ Du-ký Thần thông Như-Lai,
7. Dục-Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai.

Trong số bảy vị Phật này, sáu vị đầu là pháp-thân của đức Dục-Sư.

Truyền-thuyết nói rằng bảy đức Phật kia là căn-cứ vào *Tam-Tạng Nghĩa* đời Đường đã dịch từ kinh *Dục-Sư Lưu-Ly Quang Thất Phật Bốn Nguyên Công-Đức* mà ra. Kinh ấy còn giải-thích về bảy đức Phật và các lời thệ-nguyện của chư-vị. Tịnh-độ của chư vị nguyện kiến-lập được kể lại như sau:

- Đi về phương đông quá bốn cạnh già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Quang-thắng, Phật hiệu là Thiện-Xưng Danh Kiết -Tường Vương. Ngài phát tám lời đại-nguyện;
- Đi về phương đông quá năm cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Diệu-bửu quốc,

Phật hiệu là Bửu-Nguyệt-Trí Nghiêm-Âm Tự-tại Như-Lai. Ngài có tám lời đại-nguyện;

- Qua phương đông sáu cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Viên-mãn hương-tích quốc, Phật hiệu là Kim-Quang Bửu-Sắc Diệu-Hạnh Thành-tự vương Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông bảy cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Vô-ưu quốc, Phật hiệu là Vô-Uu Tối Thắng Kiết-Tường vương Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông tám cạnh-già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Pháp-tràng quốc, Phật hiệu là Pháp-Hải Lô-Âm Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông chín cạnh-già sa Phật-độ có thế-giới tên là Thiên-trụ pháp-hải quốc, Phật hiệu là Pháp-Hải Huệ Thần-thông Du-hý Như-Lai. Ngài phát bốn lời đại-nguyện;
- Qua phương đông mười cạnh-già sa Phật-độ, có thế-giới tên là Tịnh lưu-ly quốc, Phật hiệu là Dược-Sư Lưu-Ly Quang Như-Lai. Ngài phát 12 lời đại-nguyện.

Lại có cái gọi là “pháp tu năm đàn của bảy đức Phật Dược-Sư”. Từ xưa đến nay, đây là một trong bốn đại-pháp tại Mật-đài: “nó là một pháp tu-hành rất trọng-yếu. Việc làm trọng-yếu của pháp tu này trước hết là phải thiết-lập năm đàn:

- trung ương là Đại-thánh Bất-động minh vương⁴ (H. 45),
- phương nam là Quận-trà lợi Dạ-xoa minh-vương¹ (H. 47),
- phương bắc là Kim-cang Dạ-xoa Minh-vương (H. 49),
- phương đông là Hàng tam thế Minh-vương (H. 46),
- phương tây là Đại Uy-đức-minh vương (H. 48).

Cứ theo thứ-tự trên đây mà cúng dường. Mục-đích chính của pháp này là làm cho kẻ oán ghét, giặc thù thối lui, tan rã, dân nước yên vui. Lúc tu pháp này, cần thiết phải thật nghiêm-chỉnh.

Dược-Sư Như-Lai có biệt danh là Phật Đại-Y vương. Mục-đích cúng dường Ngài là để trị bá bệnh: đó là lợi-ích thiết-thực đối với đời nay. Xưa nay từ bậc đế-vương cao sang cho đến dân giả nghèo hèn đều mười phần chín-tín-ngưỡng. Một ngày nào đó bị bệnh phải nằm liệt giường. Lúc chịu bó tay không có cách nào chữa trị ắt phải cầu xin đức Dược-Sư cứu giúp. Bởi vậy, người đời phần đông đến chùa thờ đức Dược-Sư để cung phụng Ngài là vậy.

Đức Dược-Sư phổ-thông có hai Bồ-tát là Nhật-Quang và Nguyệt-Quang hầu cận. Tại Tịnh-độ của đức Phật Dược-Sư thì hai vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ vô-lượng chúng. Hai Ngài là nhất sanh bổ xứ Bồ-tát, có hai Bồ-tát Quan-Âm và Thế-Chí hầu cận. Ngoài ra còn có tám vị Bồ-tát làm thị giả là: “Văn-Thù, Quan-Âm, Thế-Chí, Bửu-đàn Hoa, Vô-Tận Ý, Dược-Vương, Dược Thượng, Di-Lặc.

Chư thần quyến-thuộc của Ngài Dược Sư Như-Lai mà thế-tục gọi là 12 vị thần-tướng của đức Dược-Sư hay là 12 vị thần Dược-xoa. Phạm việc cúng dường bốn tôn Dược-Sư Như-Lai thì trong miếu thờ, phải an-trí 12 vị thần-tướng này. Danh hiệu của 12 vị như sau:

⁴ Xem hình các vị này trong Minh-Vương bộ

- Tỳ-yết-la đại-tướng
 - Chân-đạt la đại-tướng
 - Ba-di la đại-tướng
 - San-đề la đại-tướng
 - An-đế la đại-tướng
 - Phạt-chiết la đại-tướng
 - (Sẽ nói rõ thêm về các vị đại tướng này ở chương IX, mục I)
- Chiêu-đổ-la đại-tướng
 - Ma-hổ la đại-tướng
 - Nhẫn-đạt la đại-tướng
 - Ngạch-nễ la đại-tướng
 - Mê-xí la đại-tướng
 - Cung-tỳ la đại-tướng

VI. ĐỨC A-SÚC NHƯ-LAI

Chính danh của đức Phật A-súc theo Hán dịch là A-súc-bà-da theo âm Phạn là Aksobhya-tathgata ‘bất-động, vô-động’ hoặc ‘vô phần nộ’, vv., Ngài là giáo-chủ của thế-giới Diệu-hỷ ở phương đông – còn gọi là ‘thiện khoái’ hoặc ‘diệu-lạc’. Trong giáo-ngĩa của Đông-mật, Ngài ở vị-trí phía đông của đức Đại-Nhật Như-Lai tại trung-cung của Kim-cang giới.



Đức Phật A-Súc Như-Lai
像來如閼阿

Trong Thai-tạng giới thì Ngài đồng thệ-nguyện với đức Thiên-Cổ Lô-âm Như-Lai. Kinh *A-Súc Phật-quốc* có nói về Ngài như sau: trong một kiếp trước cách nay rất lâu, Ngài là kẻ sĩ tôn sùng đức Đại-Nhật Như-Lai, tạo được rất nhiều công-đức, sau khi chịu ơn đức Đại-Nhật cảm-hoá, Ngài bèn xuất-gia tu hành được đạo. Về sau, Ngài kiến-lập tịnh-độ Thiện-khoái tại phương đông. Hiện tại, Ngài vẫn ở tại bốn xứ nói pháp độ-sanh.

Theo một đoạn văn trong *A-sa-phạ-sao* thì tướng tốt của đức Phật A-Súc được mô tả như sau: đức Thánh-tôn này có đủ các tướng tốt của một đức Phật; áo Ngài mặc để trần vai phải, tay trái dùng kim-cang quyền giữ một góc cà-sa, lòng bàn tay hướng về bên trong, tay phải duỗi năm ngón đặt trên gối phải, đầu tóc sáng rực-rỡ, dung-mạo hết sức trang-nghiêm. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen màu xanh. (H. 8)

VII. ĐỨC BỬU-SANH NHƯ-LAI

Đức Phật Bửu-Sanh là vị thứ ba trong số năm đức Phật của Đại-Nhật Như-Lai. Ngài trụ ở phương nam. Danh hiệu của Ngài theo âm Phạn là Ratha-sambhava, dịch âm Hán là ‘Ra-đát-na tam-bà phạ’, biệt hiệu là ‘Bình-Đẳng Kim-Cang’. Bốn bên Ngài có bốn vị Kim-Cang Bồ-tát quyển thuộc vây quanh. Đó là các vị Bửu, Quang, Tràng, Tiểu Bồ-tát.



Đức Phật Bửu-Sanh Như-Lai
像來如生寶

Trong Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới, Ngài cùng với đức Bửu-Tràng Như-Lai đồng trụ một tam-muội.

Về hình-tượng của Ngài, trong *Bí-Tạng* có ghi như vậy: tay phải hướng ngoại, ngón út và ngón áp út cong thay đổi, còn các ngón khác đều duỗi thẳng. Ngài không đội mũ, trụ tướng tịch-định, da ngoài màu vàng, một tay nắm chéo áo, tay kia bắt ấn vô-nguyện. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen (H. 9)

VIII. ĐỨC BẤT-KHÔNG THÀNH TỰU NHƯ-LAI

Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai là chủ-tôn ở phương bắc của Mạn-trà-la hình mặt trăng tròn thuộc Kim-cang giới. Danh hiệu Ngài theo chữ Phạn của Ngài là Amogha-sidhi ‘A-mục-già tất-địa’. Biệt hiệu là Tất-địa Kim-Cang, hay Thành-Tựu Kim-Cang. Ngài có năng-lực giải-trừ hoặc-nghiệp phiền-não, thành-tựu đại-nguyện, chẳng lạc vào Không, nên gọi là Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai.

Trong Mạn-trà-la thuộc Thai-tạng giới Ngài được gọi là Khai-Phu Hoa vương Như-Lai, trụ ở phương Nam.

Danh-hiệu của Ngài tuy chẳng đồng-nhất, nhưng khi đã xét kỹ thì danh-hiệu nào cũng là biệt-danh của đức Thích-Ca cả.

Hình-tượng của Ngài cũng trụ tướng tịch-định, da ngoài màu vàng, một tay cầm chéo áo, một tay cầm kiến ấn thí vô-úy. Ngài ngồi kiết-già trên đài hoa sen (H. 10).



Đức Phật Bất-Không Thành-Tựu Như-Lai
像來如就成空不